

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 05/10/2025 CÀ CHIỀU

PHÒNG THI: 01

MÔN: TIẾNG ANH

Địa điểm: Trung tâm Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục - ĐHTN

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN.51025-001	Hoàng Tường An	19.02.2001	Nam	Kinh	Phú Thọ
2	GCN.51025-002	Vũ Thị Minh Anh	20.04.2001	Nữ	Kinh	Hưng Yên
3	GCN.51025-003	Trần Văn Cảnh	03.09.2000	Nam	Kinh	Hưng Yên
4	GCN.51025-004	Bùi Văn Công	01.01.1990	Nam	Kinh	Hưng Yên
5	GCN.51025-005	Nguyễn Văn Cường	23.12.2000	Nam	Kinh	Thái Nguyên
6	GCN.51025-006	Trần Thị Chang	12.08.1990	Nữ	Kinh	Hưng Yên
7	GCN.51025-007	Nghiêm Hoài Châm	13.11.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
8	GCN.51025-008	Đào Thị Chinh	20.08.2000	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
9	GCN.51025-009	Bùi Đức Chung	15.03.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
10	GCN.51025-010	Dương Văn Duy	20.10.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
11	GCN.51025-011	Hoàng Thị Duyên	05.04.1992	Nữ	Kinh	Hưng Yên
12	GCN.51025-012	Nguyễn Hoàng Dương	10.10.1999	Nam	Kinh	Thái Nguyên
13	GCN.51025-013	Phạm Khánh Dương	29.11.2003	Nữ	Kinh	Hà Nội
14	GCN.51025-014	Hà Tiến Đạt	21.01.2002	Nam	Tày	Cao Bằng
15	GCN.51025-015	Chu Hải Đăng	06.08.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
16	GCN.51025-016	Nguyễn Văn Đông	08.07.1999	Nam	Dao	Thái Nguyên
17	GCN.51025-017	Phùng Công Được	05.03.1995	Nam	Kinh	Hưng Yên
18	GCN.51025-018	Đinh Thị Vân Giang	21.07.2002	Nữ	Kinh	Hưng Yên
19	GCN.51025-019	Nguyễn Thị Cẩm Giang	26.05.2003	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi
20	GCN.51025-020	Lê Thị Hà	29.02.1984	Nữ	Kinh	Hưng Yên
21	GCN.51025-021	Nguyễn Thái Hà	09.04.2005	Nam	Kinh	Thái Bình
22	GCN.51025-022	Nguyễn Thu Hà	24.03.2000	Nữ	Tày	Thái Nguyên
23	GCN.51025-023	Quan Việt Hà	28.02.2003	Nữ	Tày	Tuyên Quang
24	GCN.51025-024	Nguyễn Thị Thu Hằng	04.02.1981	Nữ	Kinh	Ninh Bình
25	GCN.51025-025	Lường Thị Hậu	15.03.2003	Nữ	Tày	Hòa Bình
26	GCN.51025-026	Lê Thị Thu Hiền	29.10.1997	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
27	GCN.51025-027	Trần Thị Thu Hiền	28.01.1991	Nữ	Kinh	Ninh Bình
28	GCN.51025-028	Nguyễn Công Hiến	09.05.2005	Nam	Kinh	Bắc Ninh
29	GCN.51025-029	Hoàng Văn Hiếu	11.12.1998	Nam	Kinh	Phú Thọ
30	GCN.51025-030	Lê Thanh Hoa	28.12.2000	Nữ	Kinh	Hưng Yên
31	GCN.51025-031	Nguyễn Thanh Hoa	27.08.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
32	GCN.51025-032	Nguyễn Thị Iloa	12.09.2000	Nữ	Kinh	Hưng Yên

Ấn định danh sách có: 32 thí sinh./

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 05/10/2021; CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 02

MÔN: TIẾNG ANH

Địa điểm: Trung tâm Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục - ĐHTN

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN.51025-033	Nguyễn Ngọc Hoài	18.09.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
2	GCN.51025-034	Nguyễn Thị Hoài	08.11.1999	Nữ	Kinh	Hưng Yên
3	GCN.51025-035	Đỗ Xuân Huấn	24.07.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
4	GCN.51025-036	Lê Thu Huệ	27.08.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
5	GCN.51025-037	Nguyễn Thị Kim Huệ	17.07.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
6	GCN.51025-038	Đồng Thị Huệ	04.05.1999	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
7	GCN.51025-039	Bùi Quang Huy	26.05.1993	Nam	Kinh	Hưng Yên
8	GCN.51025-040	Bùi Quốc Huy	28.01.2003	Nam	Kinh	Bắc Giang
9	GCN.51025-041	Đinh Khánh Huy	04.03.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
10	GCN.51025-042	Tô Thanh Huy	05.07.1992	Nam	Kinh	Hưng Yên
11	GCN.51025-043	Trần Thị Huyền	05.08.1995	Nữ	Kinh	Hưng Yên
12	GCN.51025-044	Chu Thị Quỳnh Hương	17.07.2001	Nữ	Sán Dìu	Thái Nguyên
13	GCN.51025-045	Đỗ Thanh Hưởng	05.09.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
14	GCN.51025-046	Hoàng Thị Kiều	05.11.2003	Nữ	Tày	Cao Bằng
15	GCN.51025-047	Lương Xuân Khang	06.08.1999	Nam	Kinh	Thanh hóa
16	GCN.51025-048	Đinh Thị Hồng Khánh	03.09.2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
17	GCN.51025-049	Lê Duy Khánh	17.05.2002	Nam	Kinh	Quảng Ninh
18	GCN.51025-050	Phạm Thị Khoan	05.10.1984	Nữ	Kinh	Nam Định
19	GCN.51025-051	Lê Thị Tùng Lâm	11.08.2004	Nữ	Kinh	Thanh Hoá
20	GCN.51025-052	Hứa Thị Ngọc Lân	30.10.2001	Nữ	Tày	Tuyên Quang
21	GCN.51025-053	Vi Hồ Lân	28.08.2003	Nam	Tày	Thái Nguyên
22	GCN.51025-054	Phạm Thị Lê	28.04.1985	Nữ	Kinh	Ninh Bình
23	GCN.51025-055	Dương Nhật Lệ	18.10.2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
24	GCN.51025-056	Hà Mai Linh	02.09.2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
25	GCN.51025-057	Hoàng Thanh Mai Linh	30.04.2000	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
26	GCN.51025-058	Nguyễn Khánh Linh	20.06.2004	Nữ	Kinh	Bắc Giang
27	GCN.51025-059	Nguyễn Thị Khánh Linh	18.11.2003	Nữ	sán chay	Thái Nguyên
28	GCN.51025-060	Nguyễn Thùy Linh	14.08.2004	Nữ	Kinh	Hưng Yên
29	GCN.51025-061	Phạm Văn Linh	20.08.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
30	GCN.51025-062	Lâm Thị Kiều Linh	17.09.2003	Nữ	Tày	Bắc Ninh
31	GCN.51025-063	Nghiêm Thị Ly	23.01.2003	Nữ	Tày	Yên Bái
32	GCN.51025-064	Nguyễn Thanh Mạnh	05.09.2001	Nam	Kinh	Bắc Ninh

Ấn định danh sách có: 32 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 05/10/2025 CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 03

MÔN: TIẾNG ANH

Địa điểm: Trung tâm Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục - ĐHTN

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN.51025-065	Doãn Thế Minh	03.09.2004	Nam	Kinh	Tuyên Quang
2	GCN.51025-066	Nguyễn Nhật Minh	11.02.1999	Nam	Kinh	Hưng Yên
3	GCN.51025-067	Nguyễn Quang Minh	24.12.2004	Nam	Kinh	Thái Bình
4	GCN.51025-068	Nguyễn Văn Nam	21.10.2000	Nam	Kinh	Thái nguyên
5	GCN.51025-069	Hoàng Thị Nga	01.10.2002	Nữ	Giáy	Hà Giang
6	GCN.51025-070	Đặng Thu Ngân	05.02.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
7	GCN.51025-071	Lương Thị Ngân	22.03.2004	Nữ	Nùng	Lạng Sơn
8	GCN.51025-072	Đặng Thị Hồng Ngọc	29.12.2004	Nữ	Dao	Bắc Kạn
9	GCN.51025-073	Chu Thị Hồng Nhung	23.04.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
10	GCN.51025-074	Nguyễn Thị Hồng Nhung	17.12.2001	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
11	GCN.51025-075	Nguyễn Thị Hồng Nhung	15.08.1999	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
12	GCN.51025-076	Tráng Thị Hồng Nhung	15.05.2002	Nữ	Mông	Lào Cai
13	GCN.51025-077	Vương Hà Oanh	18.02.2004	Nữ	Tày	Hà Giang
14	GCN.51025-078	Nguyễn Trọng Phi	16.01.1997	Nam	Kinh	Thái Nguyên
15	GCN.51025-079	Hoàng Thị Thu Phương	01.06.1983	Nữ	Kinh	Hưng Yên
16	GCN.51025-080	Nguyễn Lan Phương	06.12.1996	Nữ	Kinh	Hưng Yên
17	GCN.51025-081	Nguyễn Linh Phương	21.08.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
18	GCN.51025-082	Nguyễn Minh Phương	25.10.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
19	GCN.51025-083	Trần Thị Phụng	26.01.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
20	GCN.51025-084	Đỗ Thị Thu Phương	25.09.2003	Nữ	Kinh	Hà Nội
21	GCN.51025-085	Đàm Việt Quang	31.10.2003	Nam	Tày	Thái Nguyên
22	GCN.51025-086	Nguyễn Hoàng Anh Quân	27.05.2003	Nam	Kinh	Quảng Ninh
23	GCN.51025-087	Nguyễn Hữu Quân	15.08.1985	Nam	Kinh	Bắc Ninh
24	GCN.51025-088	Bùi Quang Quý	11.02.2004	Nam	Kinh	Tuyên Quang
25	GCN.51025-089	Trịnh Thị Thúy Quỳnh	14.09.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
26	GCN.51025-090	Vũ Như Quỳnh	15.11.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
27	GCN.51025-091	Phạm Như Quỳnh	18.07.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
28	GCN.51025-092	Lại Đức Sơn	11.03.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
29	GCN.51025-093	Tạ Linh Sơn	14.04.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
30	GCN.51025-094	Phùng Thị Thanh Tâm	26.08.2004	Nữ	Kinh	Phú Thọ
31	GCN.51025-095	Phạm Duy Tân	25.07.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
32	GCN.51025-096	Đỗ Ngọc Tú	14.09.1992	Nam	Kinh	I Hưng Yên

Ấn định danh sách có: 32 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 05/10/2025; CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 04

MÔN: TIẾNG ANH

Địa điểm: Trung tâm Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục - ĐHTN

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN.51025-097	Nguyễn Mạnh Tú	06.08.2003	Nam	Kinh	Nghệ An
2	GCN.51025-098	Trương Nam Tú	02.09.2005	Nam	Kinh	Lào Cai
3	GCN.51025-099	Lê Mạnh Tuấn	29.04.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
4	GCN.51025-100	Mã Văn Tuyên	06.01.2001	Nam	Nùng	Thái Nguyên
5	GCN.51025-101	Phạm Gia Thái	09.01.1999	Nam	Mường	Thái Nguyên
6	GCN.51025-102	Tạ Ngọc Thanh	27.05.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
7	GCN.51025-103	Nguyễn Thị Thảo	20.10.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
8	GCN.51025-104	Nguyễn Thị Thu Thảo	28.02.2003	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
9	GCN.51025-105	Nguyễn Thanh Thảo	13.12.2004	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
10	GCN.51025-106	Nguyễn Thị Phương Thảo	19.11.2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang
11	GCN.51025-107	Lưu Ngọc Thắng	20.11.2001	Nam	Kinh	Hưng Yên
12	GCN.51025-108	Mai Quyết Thắng	17.08.1994	Nam	Kinh	Ninh Bình
13	GCN.51025-109	Nguyễn Đức Thắng	01.12.1988	Nam	Kinh	Hải Phòng
14	GCN.51025-110	Trần Bách Thắng	06.11.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
15	GCN.51025-111	Phạm Minh Thắng	01.10.1988	Nam	Kinh	Hưng Yên
16	GCN.51025-112	Vũ Thị Thơ	04.12.1987	Nữ	Kinh	Thái Bình
17	GCN.51025-113	Đinh Thị Thu	19.02.1985	Nữ	Kinh	Năm Định
18	GCN.51025-114	Chu Vân Thủy	08.03.2025	Nữ	Hà nhì	Lai Châu
19	GCN.51025-115	Phạm Thị Thu Thủy	07.09.1987	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
20	GCN.51025-116	Trần Thu Thủy	30.08.2002	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
21	GCN.51025-117	Dương Lâm Trang	29.10.2000	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
22	GCN.51025-118	Hoàng Thị Huyền Trang	10.04.1991	Nữ	Kinh	Hưng Yên
23	GCN.51025-119	Nguyễn Thu Trang	25.09.1994	Nữ	Kinh	Thái Bình
24	GCN.51025-120	Nguyễn Hữu Trọng	04.11.2003	Nam	Kinh	Hà Nội
25	GCN.51025-121	Bế Ngọc Thuý Trúc	12.12.1996	Nữ	Tày	Hà Nội
26	GCN.51025-122	Hoàng Xuân Trường	23.12.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
27	GCN.51025-123	Nông Quang Trường	06.01.2007	Nam	Tày	Cao Bằng
28	GCN.51025-124	Nguyễn Lê Tổ Uyên	15.08.2004	Nữ	Kinh	Hưng Yên
29	GCN.51025-125	Hà Hoàng Viên	27.10.1992	Nam	Kinh	Nghệ An
30	GCN.51025-126	Ngô Quang Vũ	08.01.1997	Nam	Kinh	Bắc Giang
31	GCN.51025-127	Nguyễn Thị Yến	24.05.2003	Nữ	Kinh	Hà Nội

Ấn định danh sách có: 31 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 05/10/2025 CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 05

MÔN: TIẾNG ANH

Địa điểm: Trường Đại học Tài Nguyên Môi trường - Hà Nội

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	TNMT.51025-128	Khúc Thị Kim Anh	11.01.2004	Nữ	Kinh	Hưng Yên
2	TNMT.51025-129	Nguyễn Thị Phương Anh	18.12.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
3	TNMT.51025-130	Vũ Thị Tuyết Anh	25.10.2004	Nữ	Kinh	Thái Bình
4	TNMT.51025-131	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	08.10.2004	Nữ	Mường	Phú Thọ
5	TNMT.51025-132	Nguyễn Đăng Thị Bích	18.08.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
6	TNMT.51025-133	Lê Thuỳ Dung	29.04.2002	Nữ	Kinh	Hà Nội
7	TNMT.51025-134	Phạm Mỹ Duyên	04.10.2004	Nữ	Kinh	Nam Định
8	TNMT.51025-135	Tạ Thị Phương Duyên	27.08.2003	Nữ	Kinh	Hà Nội
9	TNMT.51025-136	Vương Thành Đạt	07.08.2003	Nam	Kinh	Phú Thọ
10	TNMT.51025-137	Đặng Thu Hà	06.02.2004	Nữ	Kinh	Phú Thọ
11	TNMT.51025-138	Nguyễn Thị Thu Hà	06.03.2004	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
12	TNMT.51025-139	Hoàng Thị Thu Hằng	21.06.2004	Nữ	Kinh	Hải Phòng
13	TNMT.51025-140	Nguyễn Bích Hậu	24.02.2004	Nữ	Kinh	Hà Tây
14	TNMT.51025-141	Nguyễn Thị Hồng	02.07.2004	Nữ	Kinh	Hải Dương
15	TNMT.51025-142	Ngô Ngọc Huyền	20.04.2004	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
16	TNMT.51025-143	Nguyễn Thu Hương	04.11.2004	Nữ	Kinh	Hải Dương
17	TNMT.51025-144	Nguyễn Thị Mai Hương	02.12.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
18	TNMT.51025-145	Đào Khánh Linh	18.04.2004	Nữ	Kinh	Hà Tây
19	TNMT.51025-146	Nguyễn Phương Hoài Linh	02.02.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
20	TNMT.51025-147	Nguyễn Thanh Loan	15.06.2004	Nữ	Kinh	Hà Tây
21	TNMT.51025-148	Nguyễn Thị Hương Ly	28.09.2003	Nữ	Kinh	Hà Tây
22	TNMT.51025-149	Đỗ Ngọc Mai	16.08.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
23	TNMT.51025-150	Trương Thị Minh	11.05.2004	Nữ	Kinh	Phú Thọ
24	TNMT.51025-151	Trần Mai Ninh	10.08.2004	Nữ	kinh	Hải Dương
25	TNMT.51025-152	Trần Yến Nhi	19.11.2004	Nữ	Kinh	Thanh Hoá
26	TNMT.51025-153	Lê Thị Hồng Nhung	29.08.2004	Nữ	Kinh	Hải Phòng
27	TNMT.51025-154	Trần Thảo Phương	17.09.2004	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc
28	TNMT.51025-155	Đặng Thế Quý	07.12.2003	Nam	Kinh	Hưng Yên
29	TNMT.51025-156	Đỗ Thị Mai Quyên	09.04.2003	Nữ	Kinh	Hà Tây
30	TNMT.51025-157	Nguyễn Thúy Quỳnh	05.08.2004	Nữ	Kinh	Hưng Yên
31	TNMT.51025-158	Nguyễn Vũ Sang	03.05.2003	Nam	Kinh	Ninh Bình
32	TNMT.51025-159	Ngô Kim Thảo	13.05.2004	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc
33	TNMT.51025-160	Nguyễn Thị Phương Thảo	02.08.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
34	TNMT.51025-161	Trần Thị Phương Thảo	21.05.2004	Nữ	Kinh	Ninh Bình
35	TNMT.51025-162	Lê Thị Mai Thảo	12.08.2004	Nữ	Kinh	Hưng Yên
36	TNMT.51025-163	Giáp Thị Thuỳ	21.08.2003	Nữ	Tày	Bắc Ninh
37	TNMT.51025-164	Lò Thị Thuý	22.11.2003	Nữ	lô lô	Hà Giang
38	TNMT.51025-165	Phạm Ngọc Trinh	14.09.2004	Nữ	Kinh	Quảng Ninh

Ấn định danh sách có: 38 thí sinh./.